

Mô hình nhà nước kiến tạo phát triển và những thách thức hiện nay

Đinh Ngọc Thắng¹

¹ Khoa Luật, Trường Đại học Vinh.

Email: thangdn@vinhuni.edu.vn

Nhận ngày 6 tháng 3 năm 2019. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 4 năm 2019.

Tóm tắt: Trên thế giới, có hai nhóm đưa ra quan điểm về mô hình nhà nước kiến tạo phát triển: *nhóm thứ nhất*, nhà nước kiến tạo phát triển là mô hình phát triển kinh tế của các nước công nghiệp hóa Đông Á trong những năm 1960-1970; *nhóm thứ hai*, mô hình nhà nước kiến tạo phát triển là mô hình linh hoạt luôn có những bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi quốc gia và mỗi thời kỳ. Bài viết trình bày khái niệm và những đặc điểm cơ bản của mô hình nhà nước kiến tạo phát triển, với tư cách là một chủ thuyết về phát triển kinh tế và vai trò của nhà nước. Tiếp đó, bài viết phân tích một số thách thức mà nó phải đối mặt trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: Mô hình, nhà nước, nhà nước kiến tạo phát triển.

Phân loại ngành: Chính trị học

Abstract: In the world, there are two groups offering views on the model of developmental state, the first of which deems that it is the model of economic development of East Asian industrialised countries in the 1960s-1970s, while the second considers it to be a flexible model that is always supplemented and adjusted to suit the conditions and circumstances of each country and each period. The paper presents the concept and basic characteristics of the model, as a theory of economic development and the role of the state. Then, the paper analyses a number of challenges it is facing in the current context.

Keywords: Model, state, developmental state.

Subject classification: Politics

1. Mở đầu

Khái niệm nhà nước kiến tạo phát triển (developmental state) được giới nghiên cứu

sử dụng phổ biến từ những năm 1980 để mô tả vai trò trung tâm của nhà nước trong mô hình tăng trưởng kinh tế thần kỳ của các quốc gia Đông Á. Theo các học giả, đây là

mô hình nhà nước nằm giữa nhà nước điều chỉnh Anh - Mỹ (theo chủ thuyết thị trường tự do) và nhà nước kế hoạch hóa tập trung (theo mô hình xã hội chủ nghĩa truyền thống). Trong mô hình này, nhà nước không đứng ngoài thị trường, nhưng cũng không làm thay thị trường, mà chủ động can thiệp vào thị trường để thúc đẩy phát triển và thực hiện các mục tiêu phát triển đã được đặt ra. Đây là mô hình nhà nước tận dụng được ưu điểm, đồng thời khắc phục được nhược điểm của cả hai mô hình nhà nước trên. Bài viết này giới thiệu mô hình nhà nước kiến tạo phát triển và phân tích một số thách thức hiện nay.

2. Mô hình nhà nước kiến tạo phát triển

Giới khoa học xem học giả người Mỹ Chalmers Johnson là người đầu tiên đưa ra khái niệm “nhà nước kiến tạo phát triển”. Vào năm 1982, trong công trình nghiên cứu về sự tăng trưởng thần kỳ của kinh tế Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai [3], C. Johnson đã gọi Nhà nước Nhật Bản là nhà nước kiến tạo phát triển, nhà nước đóng vai trò trung tâm trong định hướng, dẫn dắt hiện đại hóa nền công nghiệp quốc gia. Không chỉ là người đầu tiên đưa ra khái niệm này, C. Johnson còn có nhiều nghiên cứu phân tích những biểu hiện của mô hình này trên thực tế. Trong đó, ông xác định những đặc trưng cơ bản của mô hình này và chỉ rõ những điểm khác biệt giữa mô hình này với các mô hình nhà nước khác.

Trong số những đặc trưng đó, C. Johnson nhấn mạnh tới ưu tiên của các nhà hoạch định chính sách. Đó là việc các nhà lãnh đạo quốc gia đã đặt ra ưu tiên tuyệt đối và vững chắc cho tăng trưởng kinh tế

[3, tr.305-306]. Sự đoàn kết của tầng lớp tinh hoa xoay quanh mục tiêu này là cơ sở cho một sự can thiệp đặc biệt của nhà nước vào nền kinh tế. Kết quả cụ thể được hướng tới là chuyển đổi cơ cấu công nghiệp quốc gia nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế [3, tr.18-19]. C. Johnson gọi nhà nước kiến tạo phát triển là kiểu nhà nước có “kế hoạch hợp lý” [3, tr.18], để phân biệt với nhà nước dựa theo mô hình “tính hợp lý của thị trường” vốn quan tâm nhiều hơn tới các quy luật của hoạt động kinh tế hơn là kết quả đạt được và nhà nước được dẫn dắt bởi “kế hoạch dựa trên ý thức hệ” [3, tr.18].

Khi xây dựng mô hình tổng quát của nhà nước kiến tạo phát triển, C. Johnson nhấn mạnh các mục tiêu hay tham vọng mà tầng lớp tinh hoa hoạch định chính sách cùng nhau chia sẻ: nhóm người này cùng có tham vọng chuyển đổi nền công nghiệp và tăng cường khả năng cạnh tranh của quốc gia. Những người này cũng có cùng nhận thức về cách thức tốt nhất để đạt được các mục tiêu đã đề ra, đó là thông qua các can thiệp mang tính chiến lược của nhà nước lên thị trường. Nói cách khác, đối với C. Johnson, chủ thuyết phát triển được đề ra tại các quốc gia công nghiệp hóa muộn như Nhật Bản, Hàn Quốc... có một thành tố mang tính tư tưởng rõ ràng. Chủ thuyết phát triển bao gồm các phương tiện mang tính thể chế cũng như phương thức hành động cụ thể, vừa là một triết lý kinh tế - chính trị. Nghĩa là, chúng ta nhìn thấy một tổng thể các ý tưởng về kế hoạch ưu tiên trong hoạt động kinh tế, các mục tiêu trung tâm của nhà nước và cách thức phải tiến hành để đạt được các mục tiêu đề ra. Những ý tưởng đó chuyển tải cách nhìn của giới tinh hoa chính trị về kinh tế. Theo đó, đối với các nhà lãnh đạo hoạch định chính sách này thì mục đích

của hoạt động kinh tế là nâng cao sức cạnh tranh quốc gia trên trường quốc tế. Như vậy, theo đuổi việc chuyển đổi kỹ nghệ và tăng cường sức mạnh cạnh tranh trước hết là một kế hoạch mang tính chính trị.

Việc nhấn mạnh đến những nền tảng mang tính tư tưởng này không có nghĩa là những nền tảng thể chế là kém phần quan trọng. Các nền tảng về mặt thể chế được C. Johnson và nhiều nhà nghiên cứu khác chỉ ra và nghiên cứu một cách kỹ lưỡng. Nền tảng thể chế để phát triển quốc gia bao gồm những thành tố cơ bản, như: một nền công vụ trọng dụng nhân tài; một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm lập kế hoạch và điều phối chuyển đổi nền công nghiệp; một hệ thống quản lý kinh tế tương đối độc lập với các áp lực chính trị để có thể lập các kế hoạch dài hạn; các quan hệ hợp tác, phối hợp và được thể chế hóa giữa nhà nước và cộng đồng doanh nghiệp để tạo điều kiện cho việc hoạch định và thực hiện thành công các đề án phát triển; khả năng đảm bảo cung cấp các nguồn lực đầy đủ cho các hoạt động mang tính chiến lược [3, tr.9]. Những yếu tố cơ bản này giải thích cho sự thành công của các quốc gia áp dụng mô hình nhà nước kiến tạo phát triển tại Đông Á.

Có rất nhiều nghiên cứu về vai trò của xây dựng thể chế trong quá trình phát triển tại các quốc gia đi theo mô hình nhà nước kiến tạo phát triển. Tuy nhiên, nền tảng tư tưởng về chủ thuyết phát triển lại ít được quan tâm hơn, dù có thể khẳng định rằng, đây chính là trung tâm của khái niệm mà C. Johnson xây dựng. Chúng ta sẽ không giải thích được ra đời của các phương tiện thể chế nếu không đứng dưới góc độ một “quan niệm, cách nhìn về thể giới”. Trong đó, việc chuyển hóa kỹ nghệ và tăng khả năng cạnh

tranh là một mục tiêu hàng đầu của quốc gia và có được sự đồng thuận rộng rãi của những người hoạch định chính sách.

Chỉ khi xem tư tưởng là trung tâm của chủ thuyết về nhà nước kiến tạo phát triển thì mới giúp tránh được lối tư duy gán chặt nhà nước kiến tạo phát triển vào một mô hình duy nhất (Hàn Quốc hoặc Nhật Bản), cũng như trong giải thích, dự báo sự biến đổi của mô hình này [13]. Nói cách khác, mô hình nhà nước kiến tạo phát triển dùng để chỉ cách thức phát triển ở những quốc gia có một mong muốn, ý chí khát khao liên tục nhằm quản lý một cách có chiến lược nền công nghiệp nhằm mục đích phát triển, và nhà nước, bằng khả năng của nó sẽ tìm kiếm những phương tiện để đạt được các mục tiêu đó.

Như vậy, những điểm cơ bản phân biệt nhà nước kiến tạo phát triển với các nhà nước khác gồm các phương diện: tư tưởng về phát triển, thể chế và chính sách công. Trong đó, chủ thuyết phát triển được xây dựng dựa trên sự can thiệp mạnh mẽ của nhà nước vào thị trường để động viên các nguồn lực vào mục tiêu phát triển kinh tế và tăng cường sức cạnh tranh trên trường quốc tế. Trước hết, đó là ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chiến lược nhằm nâng cao vị thế quốc gia.

Một cách tổng quát nhất, C. Johnson cho rằng, nhà nước kiến tạo phát triển sẽ thành công nếu hội đủ các điều kiện [3, tr.73-89] sau đây:

Một là, tồn tại các quy tắc ổn định và vững chắc do giới tinh hoa chính trị - quan liêu thiết lập nên, tương đối độc lập trước các sức ép chính trị có thể gây tổn hại tới tăng trưởng kinh tế.

Hai là, có sự hợp tác chặt chẽ giữa khu vực công và tư (nhà nước và doanh nghiệp).

Sự hợp tác được thể chế hóa này do một cơ quan kế hoạch hóa mang tính chiến lược giám sát (ví dụ: Bộ Ngoại thương và Công nghiệp ở Nhật Bản).

Ba là, có sự đầu tư mạnh mẽ và liên tục cho giáo dục, kết hợp với một số chính sách nhằm bảo đảm phân chia công bằng của cải.

Bốn là, có một chính phủ nắm rõ và tuân thủ các quy luật của kinh tế thị trường. Ngoài ra, chính quyền phải mạnh, thậm chí là chuyên chế.

Nhà nghiên cứu Adrian Leftwich đưa ra 6 đặc trưng cơ bản của mô hình nhà nước kiến tạo phát triển [2, tr.400-427] như sau:

Thứ nhất, tồn tại tầng lớp quan liêu tinh hoa gắn gũi với nhà nước. Giới tinh hoa trong nhà nước kiến tạo phát triển có số lượng nhỏ và những người này gắn gũi với chính quyền, tạo thành hạt nhân vững chắc và đoàn kết hỗ trợ cho nhà nước. Một đặc trưng khác là có nhiều quân nhân nắm giữ những vị trí quan trọng trong chính quyền. Các chính sách phát triển chịu ảnh hưởng của tầng lớp quan liêu ưu tú này.

Thứ hai, tính độc lập tương đối của nhà nước. Nhà nước độc lập trước các nhóm áp lực (các giai cấp, tầng lớp, quyền lực mang tính địa phương) và đặt lợi ích quốc gia trên các lợi ích nhóm này.

Thứ ba, điều phối kinh tế và phát triển được một số thiết chế chuyên biệt đảm trách (ví dụ như một bộ chịu trách nhiệm tổ chức các tương tác giữa nhà nước và nền kinh tế). Các thiết chế này có thực quyền và năng lực kỹ thuật trong xây dựng và áp dụng các chính sách phát triển.

Thứ tư, quan hệ với xã hội dân sự. Nhà nước kiến tạo phát triển thường được thiết lập trong bối cảnh xã hội dân sự yếu. Chính quyền mạnh, kiểm soát chặt xã hội dân sự và không phải bận tâm nhiều về các nhóm đối lập. Kinh tế phát triển sẽ làm xã hội dân sự dần phát triển.

Thứ năm, nhà nước kiến tạo phát triển và lợi ích kinh tế. Nhà nước ít chịu ảnh hưởng bởi các lợi ích kinh tế tư nhân. Điều này xuất phát từ việc quyền lực và sự độc lập của nhà nước được củng cố trước khi giới tư bản trở thành một thế lực ảnh hưởng. Các lợi ích tư nhân chưa có một sức mạnh đáng kể vào thời điểm thiết lập mô hình nhà nước này.

Thứ sáu, các quyền dân sự. Trong các nhà nước theo mô hình kiến tạo phát triển, các quyền dân sự bị hạn chế. Đây thường là các quốc gia phi dân chủ và có mức độ chuyên chế cao. Nhưng nhà nước lại có được tính chính danh từ nhân dân nhờ các lợi ích từ tăng trưởng kinh tế được phân phối tốt (trong giáo dục, chăm sóc sức khỏe, cơ sở hạ tầng...).

Có thể thấy rõ hơn những đặc trưng của nhà nước kiến tạo phát triển so với các nhà nước khác trong chính sách công nghiệp (Bảng 1).

Có thể nói rằng, chủ thuyết về phát triển trước hết là một triết lý kinh tế chính trị, nhằm sắp đặt các ý tưởng của những người hoạch định chính sách về một nhóm các mục tiêu được ưu tiên và về vai trò của nhà nước trong việc thực hiện các mục tiêu này. Tại các nước Đông Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai, quan niệm này đã quyết định sự vận động của một nhóm các phương tiện thể chế nhằm tạo điều kiện cho việc áp dụng các chính sách công nghiệp tương đối hiệu quả hướng tới mục tiêu phát triển. Tuy nhiên, những chính sách này không phải là cố định, bất biến mà chúng được điều chỉnh, sửa đổi để thích ứng với những thách thức trong nước hoặc quốc tế mà các quốc gia phải đối mặt. Dĩ nhiên, sự chuyển hóa tham vọng phát triển vào các năng lực thể chế không phải theo cách giản đơn, trực tiếp hay giống nhau ở các quốc gia. Nhưng

điểm chung phân biệt các nhà nước theo mô hình kiến tạo phát triển với các dạng nhà nước chính là sự trùng khớp giữa tham vọng, khát khao phát triển quốc gia (mong

muốn nâng cao liên tục trình độ kỹ thuật và công nghệ quốc gia) và năng lực thể chế (các phương tiện để theo đuổi mục tiêu này một cách hiệu quả).

Bảng 1: Sự khác nhau giữa nhà nước kiến tạo phát triển với các nhà nước khác trong chính sách công nghiệp [4, tr.59-75]

	Nhà nước kiến tạo phát triển	Nhà nước không kiến tạo phát triển	Nhà nước theo đường lối tân tự do
	Nhà nước mạnh và áp đặt cho xã hội các đề án phát triển và nhà nước đóng vai trò là chất xúc tác.	Không có một chủ thuyết rõ ràng về mối quan hệ giữa nhà nước và xã hội, nhà nước và phát triển.	Nhà nước yếu để cho xã hội mạnh. Nhà nước tối thiểu.
Về tư tưởng	Có sự đồng thuận rất cao của những người quyết định chính sách: - Về ưu tiên cho mục đích thu hẹp khoảng cách phát triển và tăng tính cạnh tranh về kỹ nghệ. - Về tính cần thiết của sự hỗ trợ tích cực của Nhà nước đối với sáng tạo, thương mại hóa, sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm và công nghệ của các doanh nghiệp của quốc gia trong một số ngành chiến lược. - Sự can thiệp của chính sách công nghiệp nhằm hướng tới cạnh tranh mang tính dài hơi.	Sự đồng thuận yếu ớt về các mục tiêu kinh tế cơ bản của nhà nước cũng như về vai trò mà nhà nước cần phải có trong việc dẫn dắt nền công nghiệp quốc gia. Giữa những người ủng hộ kiến tạo phát triển, thuyết tân tự do, chủ nghĩa thực dụng và cơ hội chính trị có những mâu thuẫn và tranh đấu về cách thức phát triển. Các can thiệp về chính sách công nghiệp thường được xây dựng dựa trên những cân nhắc chính trị mang tính ngắn hạn.	Những người quyết định chính sách có sự đồng thuận cao về quan niệm “hiệu quả can thiệp” của thị trường. Chính sách công nghiệp có sự hỗ trợ đối với một số ngành riêng biệt bị xem là cản trở hiệu quả này và gây ra những hậu quả tai hại. Nhà nước không can thiệp vào một số lĩnh vực công nghiệp cụ thể nào mà để cho thị trường điều chỉnh.
	Phát triển công nghiệp dưới sự chỉ huy, dẫn dắt của nhà nước.		Phát triển công nghiệp dưới sự dẫn dắt của thị trường

Về thể chế	Trong quá trình công nghiệp hóa, trách nhiệm lập kế hoạch và áp dụng các chính sách công nghiệp được tập trung hóa cao (ví dụ: tồn tại một cơ quan điều phối trung ương [3]); trong chu kỳ phát triển công nghệ cao, bộ máy hành chính có sự phi tập trung hóa hơn. Tầng lớp tinh hoa kỹ trị xây dựng chính sách tương đối độc lập với sự can thiệp của giới chính trị, có thể gây tổn hại tới tăng trưởng kinh tế. Quan hệ hợp tác Nhà nước/doanh nghiệp được thể chế hóa cho tổng thể các ngành chiến lược nhằm tạo điều kiện cho việc xây dựng và áp dụng chính sách công nghiệp một cách dài hơi.	Trách nhiệm xây dựng chính sách công nghiệp thường bị chia nhỏ trong tay của nhiều bộ, ngành khác nhau và thiếu sự phối hợp giữa các thiết chế này. Các ý định tập trung hóa các trách nhiệm và điều phối hiệu quả hơn gặp phải các tranh cãi và cản trở. Tiến trình xây dựng chính sách công nghiệp bị chính trị hóa. Điều này cản trở việc áp dụng chính sách một cách dài hơi. Thiếu vắng sự hợp tác được thể chế hóa giữa Nhà nước và giới doanh nghiệp nhằm phát triển một nhóm các công nghiệp chiến lược.	Trách nhiệm về chính sách kinh tế được phi tập trung hóa theo hướng để các công cụ “kìm hãm và đối trọng” điều chỉnh. Quan hệ có khoảng cách giữa nhà nước và giới doanh nghiệp để tránh những hệ quả của sự “thông đồng” và tình trạng nhà nước bị bắt làm con tin bởi các lợi ích kinh tế tư nhân.
Về chính sách kinh tế vĩ mô	Sử dụng một danh sách rộng rãi và được bổ sung thường xuyên các công cụ, phương tiện nhằm thúc đẩy sáng tạo, thương mại hóa, sản xuất, xuất khẩu công nghệ và các sản phẩm do doanh nghiệp nội địa sản xuất trong một số ngành chiến lược. Các hỗ trợ của Nhà nước thường đi kèm với điều kiện về hiệu quả.	Vận dụng một cách ngẫu nhiên và không thường xuyên các công cụ nhằm thúc đẩy sáng tạo, đổi mới, thương mại hóa, sản xuất và xuất khẩu nhưng không có một quy hoạch tổng thể về các ngành chiến lược. Các chính sách thường mang tính ngắn hạn và có thể bị thay đổi theo những biến động chính trị. Việc theo dõi về hiệu quả ít được tiến hành.	Các chính sách công nghiệp không nhắm đến một số ngành cụ thể mà nhằm ảnh hưởng đến toàn bộ mọi lĩnh vực của nền kinh tế (ví dụ như tới đầu tư hay chi cho nghiên cứu và triển khai - R&D). Các công cụ tác động chính sách không ưu tiên các doanh nghiệp nội địa so với doanh nghiệp nước ngoài.

3. Những thách thức của mô hình nhà nước kiến tạo phát triển hiện nay

Thứ nhất, toàn cầu hóa. Toàn cầu hóa thúc đẩy sự hình thành và phát triển của các chủ thể mới như các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các tập đoàn kinh tế đa quốc gia hùng mạnh, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp mang tính quốc tế... Các chủ thể ngày càng lớn mạnh này sẽ tham gia cùng gánh vác, thậm chí cạnh tranh một số chức năng truyền thống của nhà nước. Toàn cầu hóa tác động tới mọi phương diện của đời sống kinh tế, mở rộng của xu hướng cạnh tranh và thương mại hóa tới cả những lĩnh vực của đời sống xã hội, thúc đẩy những thay đổi xã hội, chính trị và thể chế sâu rộng.

Các tập đoàn đa quốc gia là một trong những chủ thể quan trọng trong nền kinh tế thế giới. Trong lĩnh vực sản xuất và thương mại hóa sản phẩm, các tập đoàn này kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả các nhà thầu phụ thông qua việc áp đặt các tiêu chuẩn về sản phẩm và sự phân công các công đoạn sản xuất. Các tập đoàn này cũng nắm giữ các bí quyết và công nghệ then chốt, được bảo vệ bởi cơ chế pháp lý chặt chẽ. Đây là những rào cản đối với các quốc gia đang phát triển trong việc tiếp cận các ngành công nghiệp then chốt. Trong một số lĩnh vực công nghiệp then chốt mang tính truyền thống như vật liệu xây dựng, sắt thép, một số quốc gia đang phát triển có thể phát triển các doanh nghiệp quốc gia có tính cạnh tranh cao, ví dụ các tập đoàn sản xuất thép của Ấn Độ, Trung Quốc... Tuy nhiên, việc phát triển các ngành công nghệ cao không hề đơn giản khi các tập đoàn đa quốc gia nắm giữ các bí quyết công nghệ và đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất tại các quốc gia đang phát triển. Sản phẩm của các doanh nghiệp nội địa gặp nhiều khó

khăn trong cạnh tranh với các sản phẩm của các tập đoàn đa quốc gia.

Trong khi đó, chi phí của việc nhập khẩu công nghệ ngày càng cao làm cho các quốc gia đang phát triển muốn công nghiệp hóa càng khó tiếp cận với công nghệ cũng như phát triển một nền tảng công nghiệp độc lập như Nhật Bản, Hàn Quốc... đã từng thực hiện thành công.

Thứ hai, dân chủ và quyền con người. Nhiều nhà nghiên cứu cho rằng, một trong những đặc trưng cơ bản của các quốc gia và vùng lãnh thổ đã thành công với mô hình nhà nước kiến tạo phát triển, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore... là tồn tại một chính quyền chuyên chế, độc tài [2], đồng nghĩa với tình trạng thiếu dân chủ và xem nhẹ các quyền cơ bản của con người. Bên cạnh một chính quyền mạnh, chủ trì việc chuyển đổi nền kinh tế, trợ giúp các doanh nghiệp tư nhân thì việc nhà cầm quyền kiểm chế xã hội dân sự là một điều kiện cần thiết để các nước đang phát triển có thể có sự tăng trưởng về kinh tế một cách nhanh chóng [1], [12].

Có thể lấy ví dụ về sự thiếu vắng các quy định về bảo vệ quyền lợi của người lao động tại Hàn Quốc (không có quy định về mức lương tối thiểu), Singapore (cấm đình công, biểu tình) trong giai đoạn công nghiệp hóa trước đây.

Những gì đã mang lại thành công thần kỳ về kinh tế cho các quốc gia Đông Á liệu còn có thể áp dụng trong thế kỷ XXI, trong bối cảnh trỗi dậy của xu hướng đề cao các giá trị dân chủ, quyền con người, vai trò của xã hội dân sự?

Mô hình nhà nước kiến tạo phát triển với sự đề cao một chính phủ mạnh liệu có phù hợp với thế giới ngày nay, vốn thừa nhận các giá trị phổ quát như dân chủ thông qua

bầu cử phổ thông, thượng tôn pháp quyền, tôn trọng nhân quyền, minh bạch, phòng, chống tham nhũng... Đó là những thách thức đối với các quốc gia muốn áp dụng mô hình nhà nước kiến tạo phát triển.

4. Kết luận

Nhà nước kiến tạo phát triển đặc trưng bởi sự dân thân mạnh mẽ và dài hơi của nhà nước trong hoạch định chính sách phát triển kinh tế, thông qua các công cụ can thiệp hữu hiệu, đặc biệt là chính sách phát triển các ngành công nghiệp chiến lược. Mô hình này đã được kiểm nghiệm trên thực tế, qua thành công của các nước Đông Á và một số quốc gia khác trong quá khứ. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, mô hình phát triển này đã lỗi thời trong thời đại ngày nay. Trên thực tế, mô hình này đang gặp những khó khăn, thách thức trước những vận động của thế giới hiện nay như: toàn cầu hóa, xu hướng dân chủ hóa và sự lớn mạnh của xã hội dân sự ở cấp độ quốc tế... khiến nhà nước không thể can thiệp một cách tự do vào nền kinh tế nói chung và trong hoạch định, can thiệp vào chính sách phát triển công nghiệp nói riêng. Tuy nhiên, nhiều phương diện của mô hình nhà nước kiến tạo phát triển như: sự cần thiết phải có sự đồng thuận rất cao của những người quyết định chính sách trong việc xác định những ưu tiên cho mục đích thu hẹp khoảng cách phát triển và tăng tính cạnh tranh về kỹ nghệ, về vai trò tích cực của nhà nước trong tiến trình đó để xây dựng một chính sách phát triển mang tính dài hơi... là những kinh nghiệm quý báu cho bất kỳ quốc gia đang phát triển nào muốn thoát khỏi đói nghèo và gia nhập hàng ngũ các quốc gia tiên tiến.

Tài liệu tham khảo

- [1] Alice Amsden (1989), *Asia's Next Giant*, Oxford, Oxford University Press.
- [2] Adrian Leftwich (1995), "Bringing politics back in: Towards a model of the developmental state", *The Journal of Development Studies*, 31 (3).
- [3] Chalmers Johnson (1982), *MITI and the Japanese Miracle: The Growth of Industrial Policy, 1925-1975*, Stanford University Press.
- [4] Elizabeth Thurbon (2014), "The Resurgence of the Developmental State: A Conceptual Defence", *Critique internationale*, 63 (2).
- [5] Eul-Soo Pang (2000), "The Financial Crisis of 1997-1998 and the End of the Asian Developmental State", *Contemporary South East Asia*, 22 (3).
- [6] Iain Pirie (2005), "The New Korean State", *New Political Economy*, 10 (1).
- [7] Iain Pirie (2008), *The Korean Developmental State: From Dirigisme to Neoliberalism*, Londres, Routledge.
- [8] Kanishka Jayasuriya (2005), "Beyond Institutional Fetishism: From the Developmental to the Regulatory State", *New Political Economy*, 10 (3).
- [9] Linda Weiss (1998), *The Myth of the Powerless State*, Ithaca, Cornell University Press.
- [10] Saadia M. Pekkanen (2003), *Picking Winners? From Technology Catch-Up to the Space Race in Japan*, Stanford, Stanford University Press.
- [11] Steven K. Vogel (2006), *Japan Remodeled: How Government and Industry Are Reforming Japanese Capitalism*, Ithaca, Cornell University Press.
- [12] Thomas B. Gold (1986), *State and Society in the Taiwan Miracle*, Armonk, M. E. Sharpe.
- [13] Weiss L., Thurbon E. (2004), "Where There's a Will There's a Way: Governing the Market in Times of Uncertainty", *Issues and Studies*, 40 (1).
- [14] Jyoti Saraswati, Ben Fine, Daniela Tavasci (2013, eds.), *Beyond the Developmental State: Industrial Policy into the Twenty-first Century*, Pluto Press.